

Chương 4

ĐẢNG LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC THỦY LỢI TRONG CÔNG CUỘC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC

I. ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC THỦY LỢI THỜI KỲ TRƯỚC ĐỔI MỚI

1. Đảng lãnh đạo công tác thủy lợi trước ngày thống nhất đất nước (1975)

a. Chủ trương của Đảng về công tác thủy lợi

Thủy lợi, theo từ điển Bách Khoa là “khoa học tổng hợp nghiên cứu ứng dụng các vấn đề kinh tế, kỹ thuật nhằm phát triển, khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên nước, phòng chống và khắc phục hậu quả các tác hại do nước gây ra. Bao gồm: đánh giá, dự báo diễn biến tài nguyên và môi trường nước (cả nước mặn, nước dưới đất); xác định nhu cầu nước cho dân sinh và các ngành kinh tế quốc dân theo từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội, cân bằng nước trong lưu vực, khu vực, vùng và quốc gia; xác lập các biện pháp cấp thoát nước cho các đô thị, khu vực kinh tế và các vùng nông thôn; khảo sát thiết kế và xây dựng kể cả các biện pháp chỉnh trị sông và bờ biển; quản lý khai thác có hiệu quả công trình và hệ thống thủy lợi, phòng chống lụt bão và quản lý đề điều, quản lý khu vực, bảo vệ môi trường và cân bằng sinh thái”.

Theo cách hiểu thông thường, thủy lợi hay công tác thủy lợi là một thuật ngữ, tên gọi truyền thống của việc nghiên cứu khoa học công nghệ, đánh giá, khai thác sử dụng, bảo vệ nguồn tài nguyên nước và môi trường, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai.

Nói về vai trò của công tác thủy lợi, V.I. Lênin khẳng định: “Công tác thủy lợi là đặc biệt quan trọng để khôi phục cho kỳ được nền nông nghiệp và ngành chăn nuôi... Công tác thủy lợi là việc cần thiết hơn cả, chính nó sẽ tái tạo đất nước, sẽ phục hưng đất nước, sẽ chôn vùi quá khứ, sẽ cùng cố bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội”.

Do vị trí quan trọng của thủy lợi đối với nền kinh tế quốc dân và trong đời sống của người dân nước ta, tại Hội nghị thủy lợi toàn miền Bắc (14-9-1959), Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “Việt Nam ta có hai tiếng Tổ quốc, ta cũng gọi Tổ quốc là đất nước; có đất và có nước, thì mới thành

Tổ quốc. Có đất lại có nước thì dân giàu, nước mạnh. Nước cũng có thể làm lợi nhưng cũng có thể làm hại, nhiều nước quá thì úng lụt, ít nước quá thì hạn hán. Nhiệm vụ của chúng ta là làm cho đất với nước điều hoà với nhau để nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng chủ nghĩa xã hội... Vậy thì bây giờ muốn có đủ nước, muốn điều hoà nước thì cũng phải toàn dân làm thủy lợi”.

Như vậy, đối với Việt Nam, thủy lợi có tầm quan trọng đặc biệt trong công cuộc xây dựng, phát triển đất nước. Một là cấp nước tưới, phục vụ sản xuất, điều hoà, sử dụng và bảo vệ các nguồn nước, hạn chế những thiệt hại do nước gây ra. Hai là, góp phần tích cực cho công tác xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, bảo vệ môi trường, phát triển ngành du lịch

...

Ngay khi đặt ách thống trị trên lãnh thổ Việt Nam, thực dân Pháp đã rất quan tâm tới việc xây dựng hệ thống các công trình thủy lợi và đề điều nhằm mục đích mở mang phát triển nông nghiệp và mục vụ mưu đồ thống trị của chúng. Ở Nam Bộ, mục tiêu của việc đào kênh mương làm thủy lợi chủ yếu để *khai phá vùng đất mới, giải quyết một phần tiêu úng*, chứ chưa thực sự giải quyết vấn đề tưới và xở phèn cho đất đai sản xuất nông nghiệp. Ở Bắc Bộ và Trung Bộ, việc xây dựng, khai thác thủy lợi của Pháp bắt đầu từ cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897 – 1914) chủ yếu để tăng lợi nhuận của các đồn điền của Pháp. Nghiên cứu xây dựng các hệ thống thủy nông Liễn Sơn, Sông Cầu để phục vụ cho khu vực tập trung nhiều đồn điền nằm giữa ba tỉnh Bắc Giang, Thái Nguyên, Vĩnh Phú, trong đó, hệ thống Sông Cầu trở thành đường vận tải thủy kinh tế lớn nhất nhằm đưa nông - lâm, khoáng sản khai thác từ Thái Nguyên về cảng Hải Phòng sau đó đưa về Pháp.

Việc xây dựng thủy lợi ở Trung Bộ cũng ít được quan tâm do Pháp chưa đầu tư thành lập các đồn điền nông nghiệp ở đây. Hệ thống thủy nông đầu tiên được xây dựng là Sông Chu với công trình đầu mối đập Bái Thượng, có nhiệm vụ dâng mực nước Sông Chu mùa kiệt để dẫn vào khu tưới, được khởi công năm 1920, hoàn thành năm 1928. Sau Bái Thượng, Pháp xây dựng hệ thống thủy nông Tuy Hòa ở Phú Yên.

Trong khoảng thời gian 30 năm chiến tranh (1945-1975), mặc dù nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, nguồn ngân quỹ quốc gia nghèo nàn nhưng Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đến thủy lợi. Việc đầu tư toàn bộ nguồn ngân khố ít ỏi để đắp đê Bắc Bộ trong những năm 1945-1946, đầu tư cho Đại Thủy nông Bắc Hưng Hải, một công trình mà thực dân Pháp cho là ngân sách không kham nổi đã thể hiện quyết tâm của Đảng và Nhà nước ta trong việc làm chủ nguồn nước. Vùng ven sông Hồng, Nhà nước luôn đặt trị thủy lên trước khai thác, xác định thủy điện Hòa Bình mục tiêu chống lũ hạ du là chủ yếu, điện là hàng thứ yếu, đều xuất phát từ tư tưởng: đảm bảo an toàn và nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng chủ nghĩa xã hội.

b. Sự chỉ đạo của Đảng

Công tác thủy lợi thời kỳ này chủ yếu được triển khai nhằm *phục vụ sản xuất nông nghiệp và phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai*. Đánh giá chung về công tác thủy lợi sau 20 năm xây dựng 1954-1974, cố Tổng Bí thư Lê Duẩn nêu rõ: “Tuy có khuyết điểm, công tác thủy lợi cũng đã thu được thành tích quan trọng là đã tạo nên những cơ sở vật chất kỹ thuật đáng kể nhất cho nền nông nghiệp nước ta. Do đó, hạn chế được nhiều tác hại của thiên tai, đưa các vụ sản xuất đi dần vào thể ổn định và góp phần đẩy mạnh thâm canh, tăng năng suất và tăng vụ trên nhiều vùng rộng lớn”.

2. Công tác thủy lợi trong những năm 1975 - 1985

a. Chủ trương của Đảng

Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đất nước hòa bình, độc lập, thống nhất, bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trong Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội lần thứ IV (12 - 1976) của Đảng, đồng chí Phạm Văn Đồng - Thủ tướng Chính phủ đã khẳng định: thủy lợi là biện pháp hàng đầu để mở rộng diện tích, thâm canh tăng vụ, cải tạo đất, quyết định thắng lợi của toàn bộ công cuộc phát triển sản xuất nông nghiệp. Do đó: “Khối lượng xây dựng các công trình thủy lợi trong 5 năm (1976 - 1980) của cả nước dự kiến sẽ tăng gấp đôi tổng khối lượng đã thực hiện trong 20 năm qua ở các tỉnh phía Bắc. Khởi công sớm, hoàn thành nhanh các công trình thủy lợi, chúng ta sẽ tận dụng được đất đai sẵn có với hiệu quả cao, thu hút được nhiều lao động vào sản xuất, có thêm nhiều sản phẩm, trước hết là lương thực. Chúng ta phải có những biện pháp đặc biệt mạnh mẽ, nhanh chóng phát triển mạnh lưới thủy lợi ở khắp các địa phương, trước hết ở các vùng trọng điểm lúa và cây công nghiệp quan trọng... Phải đẩy lên một phong trào cách mạng rộng lớn, thu hút hàng triệu quần chúng ở nông thôn, thành thị, quân đội, học sinh, công nhân, viên chức, tiến quân mạnh mẽ vào mặt trận thủy lợi bằng những ngày công lao động xã hội chủ nghĩa”.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V (3 - 1982) của Đảng tiếp tục đề ra mục tiêu: “Phấn đấu khoảng 3 kế hoạch 5 năm sử dụng cả 10 triệu héc-ta đất nông nghiệp, 15 triệu héc-ta lâm nghiệp, gieo trồng bình quân hai vụ trên đất trồng cây hàng năm”. Phương hướng chung là “hoàn chỉnh những công trình thủy lợi đã có, làm mới những công trình thủy lợi vừa và nhỏ là chủ yếu, chuẩn bị điều kiện để xây dựng những công trình thủy lợi lớn, đặc biệt phát triển thủy lợi hợp lý, có hiệu quả thiết thực ở Đồng bằng sông Cửu Long và tích cực thu hẹp diện tích bị úng ở Đồng bằng Bắc Bộ”.

b. Sự chỉ đạo của Đảng và thành tựu của thủy lợi trong những năm 1975 - 1985

Về phát triển thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp, sau năm 1975, công tác thủy lợi ở miền Bắc đạt được nhiều kết quả khả quan, tuy nhiên ở miền Nam còn nhiều khó khăn do hậu quả chiến tranh để lại. Nhiều vùng rộng lớn hàng triệu héc-ta vẫn còn bị bỏ hoang như: Đồng Tháp Mười, Tây bán đảo Cà Mau, Tứ Giác Long Xuyên, Tây Nguyên ... Trước tình hình đó, ngày 19-8-1977, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Nghị quyết số 03-NQ/TW nêu ra nhiệm vụ và những yêu cầu cụ thể về thủy lợi đối với từng vùng như sau: Đối với đồng bằng sông Cửu Long, cần tập trung vào nạo vét các hệ thống kênh mương cũ, đào thêm nhiều kênh, rạch tiêu nước, rửa phèn và tưới nước, đắp đập ngăn nước mặn, xây dựng các hệ thống bơm điện và bơm dầu. Ở miền Đông Nam Bộ là vùng chuyên canh về cây lương thực nên “cần xây dựng nhiều hồ, đập chứa nước, nhiều trạm bơm và phát triển nhanh các loại giếng để khai thác nước ngầm nhằm tăng nhanh diện tích ruộng hai vụ lúa, bảo đảm nước cho các vùng chuyên canh quy mô lớn về ngô, đậu tương, mía, chăn nuôi, và phục vụ sinh hoạt của nhân dân. Đối với các tỉnh duyên hải Khu V cũ và Tây Nguyên cần xây dựng nhanh nhiều hồ, đập, trạm bơm và đào giếng, bảo đảm tưới cho vùng lúa, vùng bông, một số vùng chuyên canh màu và cây công nghiệp, bảo đảm nước cho chăn nuôi bò và cho sinh hoạt của nhân dân. Đồng thời, tích cực xây dựng thủy nông ở các tỉnh trung du, miền núi Bắc Bộ để mở rộng diện tích tưới nước cho ruộng hai vụ lúa, tưới cho màu, cây công nghiệp, phục vụ chăn nuôi, phục vụ sinh hoạt của nhân dân.

Công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai tại thời kỳ này tập trung nhằm nâng cao tính chủ động trước thiên tai, bão lũ, chống lũ sớm đầu vụ.

Đánh giá chung kết quả công tác thủy lợi miền Bắc đã tiếp tục xây dựng mới được các công trình như: công thủy lợi An Thổ (1976-1979), Trà Linh II - Thái Bình (1977-1980), cống Múc II (Hà Nam Ninh), cống Rỗ (1981-1983), cống An Sơn, Hải Phòng (1983-1984),... hoàn chỉnh 6 hệ thống bơm tiêu lớn (Hà Nam Ninh) - Bắc Khu IV (cũ). Khởi công xây dựng hệ thống tiêu úng sông Lý,

sông Hoàng với các cống lớn như Quảng Châu, Ngọc Giáp cho Nam Thanh Hóa, hệ thống tiêu úng Diên Yên Quỳnh, Nam Hưng Nghi (Nghệ An). Ngoài những công trình lớn, Đảng, Nhà nước và nhân dân tiếp tục xây dựng thêm những công trình tưới nước đã được nghiên cứu kỹ trong thời gian chiến tranh, có tác dụng phục vụ cho những vùng lúa trọng điểm như: công trình Hồ Yên Lập (Quảng Ninh), Hồ Núi Cốc (Bắc Thái - Thái Nguyên ngày nay), Hồ Pakhoang (Lai Châu), Hồ Sông Mực, Yên Mỹ (Thanh Hóa), Hồ kẻ Gỗ, Vực Mầu (Nghệ Tĩnh), Hồ Tiên Lang, Vực Trồn (Quảng Bình)...

Công tác thủy lợi trước năm 1986 vẫn chủ yếu đáp ứng yêu cầu của nền sản xuất nhỏ, nguồn đầu tư hạn chế, cơ sở vật chất kỹ thuật còn yếu kém, công nghệ lạc hậu, trong đổi mới tổ chức, nội dung, phương thức hoạt động vẫn còn chậm và lúng túng. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, lựa chọn cán bộ không theo kịp sự phát triển của công cuộc đổi mới ở nông thôn, công tác nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, chưa được chú trọng đúng mức. Chính sách về phòng chống lụt bão chưa được đổi mới cho phù hợp với cơ chế mới, nhân dân vẫn vi phạm quy định Điều lệ bảo vệ đê điều.

II. SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC THỦY LỢI TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI (TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY)

1. Những yêu cầu đặt ra đối với công tác thủy lợi trong thời kỳ đổi mới

a. Thủy lợi phục vụ phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng thâm canh tăng vụ, hiện đại và bền vững

Bước vào thời kỳ đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam xác định đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. Mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn là tiến tới xây dựng một nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững. Yêu cầu trên đặt ra phải chủ động điều tiết nguồn nước, dẫn nước phục vụ sản xuất, tạo bước đột phá trong chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi.

Tuy nhiên, đến cuối những năm 90 của thế kỷ XX, các công trình thủy lợi mới đảm bảo tưới tiêu gần 40% diện tích đất nông nghiệp, nhiều nơi hệ thống chưa hoàn chỉnh, công trình hiện có mới khai thác được dưới 60% công suất thiết kế và chủ yếu là phục vụ sản xuất lúa nước. Hệ thống cấp thoát nước ngọt, nước mặn cho nuôi trồng thủy sản chưa đồng bộ và chưa đảm bảo kỹ thuật". Yêu cầu đặt ra đối với thủy lợi là phải hướng tới phục vụ xây dựng nền nông nghiệp hiện đại, sản xuất hàng hoá lớn trên cơ sở phát huy các tiềm năng, lợi thế của từng vùng và ứng dụng công nghệ cao để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm. Nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai, nguồn nước, lao động và nguồn lực đầu tư, nhằm thực hiện tốt mục tiêu lớn của thời kỳ là tăng nhanh thu nhập và mức sống của lao động nông thôn, gắn với giảm nghèo nhanh và bền vững.

b. Thủy lợi đáp ứng yêu cầu công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, biến đổi khí hậu

Ở Việt Nam, thủy lợi đóng góp quan trọng vào việc phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai. Nằm ở khu vực Tây Bắc Thái Bình Dương, và là một trong những vùng bão phát sinh và hoạt động mạnh. Mùa bão ở khu vực Biển Đông thường kéo dài từ tháng 7 đến tháng 11 hàng năm. Số lượng các trận bão đổ bộ vào Việt Nam gia tăng, đặc biệt là trong mấy thập kỷ gần đây. Bão vào Việt Nam không chỉ gây gió xoáy mạnh, gió giật mà còn gây mưa to kéo dài, lũ lụt và nước biển dâng cao... Có tới 80% dân số Việt Nam chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão. Bão là loại thiên tai nguy hiểm nhất trực tiếp làm đổ nhà cửa, tàn phá hoa màu, phá huỷ các công trình hạ tầng, gây ra lũ ống, lũ quét, nước dâng. Khi bão đổ bộ vào gặp triều cường và gió

thuận, dọc theo vùng duyên hải, hệ thống đê biển luôn trong tình trạng báo động, gia cố và sửa chữa quanh năm nhưng nạn úng lụt vẫn diễn ra ngày càng nghiêm trọng.

Biến đổi khí hậu cũng ảnh hưởng lớn tới việc cấp nước cho hoạt động sản xuất của các ngành kinh tế. Mưa lớn sẽ làm gia tăng trượt lở đất và xói mòn, làm tăng lượng phù sa chuyển tới và lắng đọng trong lòng hồ, làm giảm dung tích hữu ích của các hồ chứa. Chế độ dòng chảy thay đổi cũng làm cho vấn đề điều tiết của hồ trở nên khó khăn hơn, khả năng cung cấp nước giảm đi. Các công trình thủy lợi như: hồ chứa, đập dâng, trạm bơm, giếng nước ngầm... cũng bị ảnh hưởng vì nguồn nước bị suy giảm cả về số lượng và chất lượng.

Xã hội ngày càng tiến bộ đòi hỏi thủy lợi phải đáp ứng nhu cầu ngày càng cao, đa dạng và phong phú của sự phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Năng lực hệ thống công trình thủy lợi không đáp ứng được nhu cầu sản xuất, sinh hoạt của nhân dân, tất yếu dẫn đến kìm hãm sự phát triển kinh tế - xã hội. Làm tốt công tác thủy lợi cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp và các lĩnh vực kinh tế khác, đảm bảo cho nhân dân một cuộc sống ấm no, an toàn và ổn định là yêu cầu đặt ra.

2. Đảng lãnh đạo công tác thủy lợi phục vụ sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

a. Chủ trương của Đảng về thủy lợi

Trong Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (12-1986), Đảng chỉ rõ: yêu cầu cấp bách về lương thực, thực phẩm, về sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu quyết định vị trí hàng đầu của nông nghiệp. Do đó, phải đưa nông nghiệp tiến một bước theo hướng sản xuất lớn, tăng nhanh khối lượng và tỷ suất hàng hoá nông sản. Để thực hiện mục tiêu trên, giải pháp hàng đầu là “mở rộng và hoàn chỉnh các hệ thống thủy lợi, ứng dụng rộng rãi những thành tựu khoa học và tiến bộ kỹ thuật, đặc biệt là công nghệ sinh học..., chủ động phòng, chống lụt bão...”.

Đại hội VII (6-1991) của Đảng nhấn mạnh: “Phát triển và hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi, giải quyết về căn bản vấn đề tưới tiêu nước cho những vùng trọng điểm lương thực và cây công nghiệp tập trung... Từng bước cơ giới hoá có hiệu quả các khâu sản xuất chủ yếu” [25].

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (6-1996) của Đảng xác định trọng tâm của quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa thời kỳ này là công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Phát triển một nền nông nghiệp toàn diện, tiếp tục đảm bảo an ninh lương thực quốc gia trong mọi tình huống, ổn định mọi mặt đời sống nhân dân. Đại hội tiếp tục nhấn mạnh: một trong những giải pháp quan trọng hàng đầu là phải “phát triển nhanh hệ thống thủy lợi ở tất cả các vùng, đặc biệt là khôi phục, sửa chữa, nâng cấp và mở rộng hệ thống thủy lợi đã có ở hai đồng bằng lớn của đất nước; thực hiện chương trình chống nhiễm mặn, chua phèn và chống lũ toàn diện ở đồng bằng sông Cửu Long. Xây dựng các hồ chứa ở một số vùng trung du, miền núi vừa phục vụ sản xuất, vừa cải thiện nguồn nước sinh hoạt cho dân cư. Dự kiến trong 5 năm 1996-2000, năng lực tưới tăng lên 20 vạn hecta, năng lực tiêu úng tăng thêm 25 vạn hecta, tạo nguồn nước tưới ở Nam bộ 50 vạn hecta, ngăn mặn 10 vạn hecta” [26].

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (4-2001) xác định nhiệm vụ quan trọng hiện nay là đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa Việt Nam vững bước đi vào thế kỷ XXI. Công tác thủy lợi được Đại hội IX của Đảng xác định là có ý nghĩa quan trọng hàng đầu trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và cần phải tạo ra những chuyển biến lớn. Trong bối cảnh mới, Đại hội nhấn mạnh đặc biệt chú trọng triển khai thực hiện ba nội dung trọng yếu sau:

Một là, “Phát triển mạng lưới thủy lợi, bảo đảm cải tạo đất, thâm canh, tăng vụ và khai thác các vùng đất mới. Hoàn thành xây dựng các công trình thủy lợi kết hợp với phòng, tránh lũ ở miền Trung... Xây dựng và củng cố hệ thống đê biển và các công trình ngăn mặn, thủy lợi cho nuôi trồng thủy sản ở đồng bằng sông Cửu Long. Kiên cố hóa các tuyến đê xung yếu; tiếp tục thực hiện chương trình kiên cố hóa kênh mương.

Hai là, gắn liền công tác thủy lợi với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội từng vùng. Cụ thể: Đối với vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, những nơi có khả năng trồng cây lương thực đầu tư xây dựng những công trình thủy lợi nhỏ, đưa các loại giống mới phù hợp với điều kiện sinh thái trong vùng để phát triển sản xuất lương thực tại chỗ. Khu vực đồng bằng sông Hồng và vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, khai thác, sử dụng hiệu quả các công trình thủy lợi sẵn có phục vụ sản xuất nông nghiệp. Nghiên cứu, chỉnh trị, nạo vét các hồ đập, cửa sông, ven biển đồng bằng sông Hồng, phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân. Đối với khu vực Bắc Trung Bộ, duyên hải Trung Bộ và vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, “nghiên cứu đưa vào xây dựng một số công trình phòng, chống lũ theo quy hoạch phát triển khu vực lũ lụt miền Trung, thực hiện các biện pháp dự phòng hạn chế tác hại của thiên tai, lũ lụt và hạn hán nặng...” [29]. Vùng Tây Nguyên, hoàn thành xây dựng thủy điện Yaly. Các hồ thủy điện khu vực miền Trung - Tây Nguyên như Đa Nhim, Ialy, sông Tranh... điều tiết hàng tỷ m³ nước cho sản xuất lúa, hoa màu, cây công nghiệp cà phê, ca cao.... gần đây là việc chống hạn, đẩy mặn cho khu vực hạ lưu. Một lợi ích khác mà hồ thủy điện mang lại là bảo vệ môi trường, giảm phát thải.

Ba là, phấn đấu đến năm 2005, đưa năng lực tưới tiêu lên 6,5 triệu hecta gieo trồng lúa và 1,5 triệu hecta rau màu, cây công nghiệp (tăng 60 vạn hecta so với cùng kỳ năm trước) [30].

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng (4-2006) nhận định: “Hệ thống thủy lợi chưa đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp và nông thôn; các hồ chứa nước ở khu vực miền Trung, Tây Nguyên và miền núi chưa được đầu tư hoàn chỉnh; chất lượng một số công trình thấp, hiệu quả sử dụng kém. Các công trình thủy lợi tập trung nhiều cho sản xuất lúa, chưa phục vụ tốt cho phát triển cây công nghiệp và nuôi trồng thủy sản. Hệ thống thủy lợi ở đồng bằng sông Cửu Long đầu tư thiếu đồng bộ, còn nhiều yếu kém, bất cập...Quản lý nguồn nước còn bị buông lỏng” [31].

Khắc phục điểm hạn chế này, các giải pháp cụ thể được nêu ra là: “Ưu tiên nâng cấp và xây dựng mới hệ thống thủy lợi đồng bộ, đi đôi với đổi mới quản lý để khai thác có hiệu quả các công trình đã đưa vào sử dụng, đáp ứng nhu cầu về nước cho nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, cho công nghiệp, dịch vụ và nước cho sinh hoạt ở nông thôn...Củng cố hệ thống hồ đập, đê, kè ven sông, ven biển; nâng cấp hệ thống cảnh báo, chủ động phòng, chống lụt bão và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai, bảo vệ môi trường nước”.

Thủy lợi không chỉ tích trữ, điều hòa, phân phối, tưới tiêu và thoát nước phục vụ sản xuất lúa, hoa màu, cây công nghiệp và nuôi trồng thủy sản; cung cấp nguồn nguyên liệu sản xuất muối; cung cấp, tiêu thoát nước cho sinh hoạt và các ngành kinh tế khác, mà còn đóng góp tích cực vào việc phòng, chống thiên tai và bảo vệ môi trường trước những diễn biến phức tạp của biến đổi khí hậu; bảo đảm an ninh nguồn nước, và cung cấp điện cho nhân dân... Do vậy, các công trình thủy lợi phải được thiết kế xây dựng theo hướng đa mục tiêu. Đáp ứng yêu cầu đó, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI (1-2011) của Đảng khẳng định: phải xây dựng nhiều hơn nữa những công trình thủy lợi đa mục tiêu nhằm nâng cao năng lực tưới tiêu cho các loại cây trồng, vật nuôi và đáp ứng các nhu cầu an sinh xã hội khác.

Về cơ bản, công trình thủy lợi đa mục tiêu là những công trình vừa phải đảm bảo cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp và các ngành kinh tế khác, vừa cấp và tiêu thoát nước sinh hoạt,

kết hợp với phát điện phục vụ cuộc sống người dân, và đặc biệt là đóng vai trò quan trọng trong phòng, chống thiên tai, giảm lũ cho vùng hạ du.

Trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bên cạnh nhu cầu về quy mô, chất lượng nguồn nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp thì nhu cầu chất lượng nguồn nước sinh hoạt người dân ngày càng tăng cao, khí hậu diễn biến phức tạp, hạn hán, mặn xâm nhập sâu, nước biển dâng có chiều hướng gia tăng nên hệ thống công trình thủy lợi phải được thiết kế xây dựng đáp ứng tất cả yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong tình hình mới.

Tháng 1-2016, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII diễn ra, Đảng nhận định: sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XI, công tác thủy lợi được chú trọng, đạt nhiều kết quả; năng lực cảnh báo, dự báo thiên tai ngày càng được nâng cao, cần tiếp tục làm tốt hơn nữa trong thời gian tới. Phương hướng là “chủ động xây dựng, triển khai và kiểm tra giám sát việc thực hiện các chương trình, kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai cho từng giai đoạn. Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo và ứng phó với thiên tai, giám sát biến đổi khí hậu và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ. Đầu tư thích đáng và sử dụng có hiệu quả sự giúp đỡ quốc tế cho các công trình trọng điểm quốc gia, các chương trình ứng phó với biến đổi khí hậu. Sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, giảm mức phát thải khí nhà kính”.

Những chủ trương, quan điểm của Đảng đã định hướng cho ngành thủy lợi Việt Nam phát triển, đóng góp quan trọng vào việc thực hiện mục tiêu kinh tế - xã hội đất nước, nhất là trong việc xây dựng nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa lớn, hiện đại, bền vững hiện nay.

b. Quá trình Đảng chỉ đạo thực hiện

Quá trình triển khai thực hiện nghị quyết các kỳ Đại hội, Đảng đặc biệt chú trọng chỉ đạo thực hiện các nội dung sau:

Phát triển thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, hiện đại

Hội nghị lần thứ 5 khóa VII (6-1993), nhấn mạnh: nhiệm vụ cần làm ngay là “xây dựng các công trình tạo nguồn nước ngọt và ngăn mặn... phục vụ xây dựng vùng lúa xuất khẩu. Đối với thủy lợi miền núi, một mặt Nhà nước huy động nhân dân làm nhiều công trình nhỏ, thích ứng với tình hình ruộng đất ít và phân tán, mặt khác chú ý xây dựng các công trình loại vừa có liên quan đến nhiều xã, huyện. Chú ý phát triển nhiều hồ chứa nước nhỏ, đập ngăn suối, cọn tự động, đắp bờ thành ruộng bậc thang quanh đồi, làm hồ vây cá, đào mương quanh đồi, chân núi để điều khiển dòng nước chống lũ, chú trọng trồng cây, gây rừng, bảo vệ rừng, chống lũ ống, lũ quét. Xây dựng các công trình chứa nước phục vụ cho sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt cho người dân... Ở đồng bằng Bắc Bộ, thủy lợi tập trung chủ yếu vào tiêu úng, ngăn mặn, giữ ngọt. Ở các tỉnh miền Trung, tập trung đầu tư lớn với phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm xây dựng cơ sở vật chất thủy lợi, khắc phục khó khăn do thiên tai thường xuyên gây ra. Vùng Tây sông Hậu, bán đảo Cà Mau, nhiều trục kênh mới mang tên KH đã đưa được nước sông Hậu vào sâu đến gần U Minh, nhanh chóng tiêu thoát nước chua phèn, hạn chế được mặn trên sông Cái Lớn. Đồng thời đã khoanh vùng, đắp đê biển, làm cống ngăn mặn, tiêu úng, xỏ phèn, dẫn ngọt, nạo vét và đào mới các kênh hình thành các khu ngọt hóa. Đối với Đồng Tháp Mười, nhờ nỗ lực của Đảng và nhân dân đã chuyển được nguồn nước ngọt sông Tiền vào bằng các trục kênh lớn như: Tân Hội - Long Khốt, Tân Thành - Lò Gạch, An Bình - Đồng Tiến, Anh Phong - Mỹ Hòa, kênh Nguyễn Văn Tiếp, Hồng Ngự để thau rửa chua phèn... Từ một vùng hoang hóa, Đồng Tháp Mười trở thành một vùng dân cư đông đúc, trù phú, kinh tế, xã hội phát triển.

Đến thập kỷ 90 của thế kỷ XX, công tác thủy lợi miền Bắc về cơ bản đã giải quyết được nạn hạn hán, úng lụt ở những vùng trọng điểm lúa, chấm dứt được cảnh chiêm khô, mùa thối trên những vùng trũng của đồng bằng Bắc Bộ và Bắc khu IV. Ở miền Trung, tuy công tác thủy

lợi còn gặp nhiều khó khăn và mới tiến hành nhưng đã giải quyết được hạn hán ở một số cánh đồng lớn thuộc các tỉnh duyên hải Trung Bộ, Tây Nguyên, góp phần tăng vụ, tăng năng suất cây trồng, tăng tổng sản lượng nông nghiệp.

Theo đánh giá của Hội nghị Trung ương 5 khóa IX (2-2002): trong thời kỳ đổi mới hệ thống thủy lợi được đầu tư lớn và liên tục, đảm bảo tưới cho 84% diện tích gieo trồng lúa, hàng vạn hecta rau màu và cây công nghiệp, hệ thống đê điều được củng cố.

Ngày 09-10-2009, Thủ tướng Chính phủ đã ký phê duyệt *Chiến lược phát triển thủy lợi đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và môi trường đến năm 2020, tầm nhìn đến 2050*. Chiến lược nêu rõ phải triển khai thường xuyên công tác vận hành hệ thống thủy lợi bảo đảm nguồn nước ổn định phục vụ sản xuất nông nghiệp trên phạm vi cả nước. Riêng 12 tỉnh, thành phố Trung du và đồng bằng Bắc Bộ, bảo đảm đủ nước phục vụ gieo cấy khoảng 620.000ha lúa, thời gian lấy nước rút ngắn 4,5 ngày so với kế hoạch, với tổng lượng nước điều tiết từ các hồ chứa thủy điện là 4,67 tỉ m³.

Năm 2017, ngành thủy lợi đã tiến hành rà soát, đánh giá các mô hình tổ chức hợp tác dùng nước, xây dựng kế hoạch hiện đại hóa hệ thống thủy lợi đặc trưng cho từng vùng làm cơ sở để đào tạo, hướng dẫn các địa phương. Song song với đó, triển khai chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, ngành thủy lợi đã xây dựng các văn bản hướng dẫn thực hiện “hoàn thiện hệ thống thủy lợi nội đồng” phục vụ sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại; “hướng dẫn thực hiện các tiêu chí về thủy lợi” trong điều kiện mới. Kết quả là hiện có 80% diện tích đất nông nghiệp được tưới tiêu chủ động, 70% số xã đạt tiêu chí thủy lợi; có 21.300 tổ chức thủy lợi cơ sở

Ngày 19-6-2017, Luật Thủy lợi được Quốc hội thông qua và có hiệu lực từ ngày 1-7-2018. Luật Thủy lợi là khung pháp lý đầy đủ, bảo đảm thủy lợi được thực hiện một cách bền vững. Luật đã thể chế hoá các chủ trương, đường lối đổi mới của Đảng về thủy lợi, góp phần quan trọng trong việc xây dựng nền nông nghiệp hiện đại, có năng lực cạnh tranh cao trong hội nhập quốc tế; góp phần quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn nước, thích ứng với biến đổi khí hậu. Việc Luật Thủy lợi được thông qua là thành công lớn của ngành trong việc hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật, là cơ sở cho việc quản lý và điều hành của ngành thủy lợi đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước.

Ngày 7-01-2020, Phó Thủ tướng Trịnh Đình Dũng đã ký *Quyết định số 33/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược thủy lợi Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*. Chiến lược này có sự điều chỉnh một số nội dung so với Chiến lược thủy lợi ban hành năm 2009. Chiến lược thủy lợi năm 2020 xác định mục tiêu chung là: Phát triển thủy lợi theo hướng hiện đại, bảo đảm cấp, thoát nước cho dân sinh, các ngành kinh tế, góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững, bảo đảm an ninh nguồn nước, lợi ích quốc gia, quốc phòng. Mục tiêu cụ thể trong thời gian tới phải cấp nước kịp thời “cho diện tích đất trồng lúa 2 vụ với mức đảm bảo tưới 85%, trong đó đến năm 2030 có 30%, năm 2050 có 60% diện tích trồng lúa thực hiện phương thức canh tác tiên tiến. Đến năm 2030 diện tích cây trồng cạn được tưới đạt 70%, trong đó tưới tiên tiến, tiết kiệm nước đạt 30%; đến năm 2050 đạt 100%, trong đó tưới tiên tiến, tiết kiệm nước đạt 60%. Chủ động tiêu, thoát nước ra sông chính, tăng diện tích tiêu bằng động lực, đảm bảo tiêu thoát ở vùng đồng bằng, vùng trung phục vụ dân sinh, nông nghiệp với tần suất từ 5- 10%; đáp ứng yêu cầu tiêu, thoát cho khu đô thị tiêu vào hệ thống công trình thủy lợi. Đảm bảo cấp, thoát nước chủ động cho nuôi trồng thủy sản thâm canh tập trung, công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao; vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa có giá trị cao và các mục tiêu khác trong sản xuất nông nghiệp. Cấp nước cho hoạt động kinh tế ven biển, các đảo có đông dân cư,

dịch vụ nghề cá...”. Chiến lược thủy lợi Việt Nam đến năm 2030, đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam trong thời kỳ mới.

Xây dựng các công trình thủy lợi đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, theo hướng đa mục tiêu

Hội nghị Trung ương 5 khóa IX là Hội nghị được đánh giá có nhiều quan điểm mới trong việc chỉ đạo xây dựng các công trình thủy lợi, tạo bước đột phá. Hội nghị chỉ rõ: “xây dựng công trình thủy lợi mới để mở rộng diện tích tưới các loại cây trồng đối với những nơi có điều kiện, cấp nước cho dân sinh, cải tạo môi trường, tưới cho cây trồng cạn, cây công nghiệp, cây ăn quả, nuôi trồng thủy sản, nhất là ở miền núi. Khôi phục, nâng cấp, sửa chữa, cải tạo hệ thống thủy lợi hiện có nhằm khai thác tối đa năng lực công trình thủy lợi theo thiết kế phục vụ đa mục tiêu. Kiên cố hóa kênh mương phải đồng thời với việc phân công, phân cấp quản lý các hệ thống công trình, thực hiện việc chuyển giao quyền quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn cho người hưởng lợi, gắn trách nhiệm với quyền lợi của họ, giảm bao cấp của Nhà nước, khai thác công trình hiệu quả cao. Đổi mới công nghệ xây dựng, quản lý, điều hành công nghệ tưới, ứng dụng vật liệu mới... đảm bảo công trình an toàn, sử dụng bền lâu, giảm được giá thành xây dựng và chi phí quản lý thấp. Cung cấp nước sinh hoạt cho người dân nông thôn, đảm bảo vệ sinh môi trường, sức khỏe cho người dân”.

Trong thiết kế xây dựng, Hội nghị chủ trương: ứng dụng các phần mềm để thiết kế các công trình thủy lợi với chất lượng đảm bảo. Về quản lý, ứng dụng các công nghệ hiện đại trong quản lý các công trình thủy lợi như: các thiết bị đặt sẵn, các thiết bị đo đạc để kiểm tra an toàn đập, ứng dụng các thiết bị khởi động mềm và tiết kiệm năng lượng cho các động cơ điện, sử dụng công nghệ tin học, ứng dụng các phần mềm trong quản lý điều hành hệ thống thủy lợi, đánh giá tài nguyên nước dưới đất, ứng dụng radar xuyên đất để dò tìm khuyết tật và tổ mối trong đê, đập...”. Hội nghị cũng chủ trương “thực hiện việc phân công, phân cấp đầu tư, giữa Trung ương và địa phương, giữa Nhà nước và nhân dân, thực hiện việc chuyển giao cho nông dân quản lý khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn thông qua tổ chức “hợp tác dùng nước” với quy mô thích hợp, không phụ thuộc địa giới hành chính theo Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, đảm bảo tự chủ về tài chính, tạo thêm việc làm cho nông dân, giảm được phần đóng góp thủy lợi phí, bảo vệ được công trình ít hư hỏng, tiết kiệm nước.

Sau Hội nghị Trung ương 5, vấn đề xây dựng công trình thủy lợi đa mục tiêu tiếp tục được Hội nghị Trung ương 7 khóa X (8-2008) của Đảng đề cập tới. Hội nghị chỉ rõ: tiếp tục đầu tư các công trình thủy lợi theo hướng đa mục tiêu, nâng cao năng lực tưới tiêu chủ động cho các loại cây trồng, trước hết cho lúa, nuôi trồng thủy sản và các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao, cấp nước sinh hoạt cho dân cư và công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn. Xây dựng hồ chứa nước ở vùng thường xuyên bị khô hạn, phát triển thủy lợi nhỏ kết hợp thủy điện ở miền núi.

Chiến lược phát triển thủy lợi đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và môi trường đến năm 2020, tầm nhìn đến 2050, cũng nhấn mạnh: “phải khai thác sử dụng nước hợp lý, phục vụ đa mục tiêu, thống nhất theo lưu vực sông và hệ thống công trình thủy lợi, không chia cắt theo địa giới hành chính. Khai thác, sử dụng đi đôi với bảo vệ, chống suy thoái, cạn kiệt nguồn nước, tái tạo nguồn nước bằng biện pháp công trình và phi công trình. Chú ý đến bảo vệ môi trường nước, đặc biệt môi trường nước trong hệ thống công trình thủy lợi”.

Sau gần 10 năm triển khai thực hiện Chiến lược, kết quả là nhiều hệ thống thủy lợi lớn đa mục tiêu đã được xây dựng như Cửa Đạt, Ngàn Trươi - Cẩm Trang, Bản Mòng, Tả Trách, Vân Phong... Ngoài ra còn có 5.656 hồ chứa; 8.512 đập dâng; 5.194 trạm bơm điện, cống tưới tiêu các loại; 10.698 các công trình khác.

Tiếp tục phát huy những thành tựu đạt được trong công tác xây dựng các công trình thủy lợi phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, *Chiến lược thủy lợi Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, thông qua ngày 7-01-2020, nêu rõ: trong thời gian tới phát triển hệ thống công trình thủy lợi phải đảm bảo sự liên kết đồng bộ với hệ thống kết cấu hạ tầng của các ngành, lĩnh vực khác. Nhà nước đầu tư xây dựng công trình thủy lợi quan trọng đặc biệt, công trình thủy lợi lớn, công trình thủy lợi khó huy động các nguồn lực xã hội; công trình thủy lợi kết hợp phục vụ quốc phòng, an ninh, phòng, chống thiên tai; công trình thủy lợi ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng lớn của biến đổi khí hậu; đồng thời khuyến khích, tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật. Thực hiện đồng bộ một số giải pháp sau: 1) Tiếp tục đầu tư các công trình thủy lợi lớn đảm bảo đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, công trình gắn với chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng, chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư, Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới; 2) Đầu tư xây dựng công trình thủy lợi cấp nước tưới và phục vụ sinh hoạt ở các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, trên các đảo có đông dân cư, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng khan hiếm nước, vùng ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, hạn hán, xâm nhập mặn; 3) Sửa chữa, nâng cấp, hoàn thiện các hệ thống công trình thủy lợi hiện có theo hướng hiện đại, đồng bộ; xây dựng hệ thống giám sát vận hành để nâng cao hiệu quả công trình; 4) Tập trung sửa chữa, nâng cấp các đập, hồ chứa thủy lợi nhằm đảm bảo an toàn công trình và vùng hạ du đập; 5) Tăng cường đầu tư xây dựng hệ thống công trình thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản, cấp nước sinh hoạt, công nghiệp, cải tạo môi trường sinh thái; 6) Đầu tư xây dựng công trình thủy lợi để thoát lũ, giảm lũ, kiểm soát lũ, kiểm soát mặn, ngọt, trữ nước ngọt, phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển....

Với chủ trương và sự chỉ đạo quyết liệt của Đảng, Nhà nước, sự chủ động triển khai thực hiện của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, của các cấp, các ngành liên quan, nhiều công trình thủy lợi lớn, đa mục tiêu đang và sẽ tiếp tục được đầu tư xây dựng. Đây là điều kiện đảm bảo an ninh nguồn nước, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn nước theo lưu vực sông, ngăn chặn sự suy giảm tài nguyên nước, tích nước, điều tiết nguồn nước hợp lý phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Chỉ đạo phát triển thủy lợi góp phần quan trọng vào việc phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai

Trước những diễn biến phức tạp của thời tiết để giảm nhẹ thiệt hại đối với sản xuất và đời sống nhân dân, ngày 16-11-2007, Thủ tướng Chính phủ ký quyết định phê duyệt *Chiến lược quốc gia về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020*. Chiến lược chỉ rõ nhiệm vụ đối với ngành thủy lợi là “xây dựng, củng cố và nâng cấp hệ thống đê sông, đê biển ở mức thiết kế phù hợp, kết hợp thực hiện đa mục tiêu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Chú trọng nâng cao chất lượng thân đê, chống xuống cấp, xóa dần các vị trí xung yếu ở nền đê, cống dưới đê, hoàn thiện mặt cắt đê theo thiết kế, cứng hóa mặt đê kết hợp với giao thông nông thôn. Tăng cường trồng cây phòng hộ đê điều, rà soát quy hoạch, nâng cao khả năng thoát lũ của các công trình phân lũ, chậm lũ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá hiện trạng công trình hồ chứa nước, sửa chữa, nâng cấp và bổ sung các công trình tràn sự cố để đảm bảo an toàn cho đập, hoàn thành các quy trình vận hành để công trình sử dụng đa mục tiêu, đặc biệt các hồ chứa lớn tham gia điều tiết cắt giảm lũ cho hạ lưu và cấp nước cho mùa kiệt”.

Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai được thông qua thể hiện sự ứng phó kịp thời, linh hoạt của Đảng và Nhà nước trước những diễn biến bất thường của thời tiết xảy ra ở nước ta trong những năm gần đây.

Ngày 23-12-2019, Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định số 1869/QĐ-TTg về Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Mục tiêu của quy hoạch bên cạnh việc bảo đảm tưới, cấp nước, tiêu, thoát nước cho nông nghiệp, dân sinh, các ngành kinh tế, thì việc quy hoạch cần phải chú ý nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế thượng nguồn các lưu vực sông. Do đó, việc lập quy hoạch phải bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa quy hoạch này với hệ thống quy hoạch quốc gia, làm cơ sở để lập các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trong lĩnh vực thủy lợi và phòng, chống thiên tai.

Tiếp tục triển khai thực hiện quan điểm này, *Chiến lược thủy lợi Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, một lần nữa khẳng định: chủ động phòng, chống và giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, ứng phó với trường hợp bất lợi nhất... góp phần xây dựng một xã hội an toàn trước thiên tai. Mục tiêu cụ thể trước mắt là chủ động ứng phó có hiệu quả với các tác động bất lợi của hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, ngập lụt, xói lở bờ sông, bờ biển... kết hợp hài hòa giữa giải pháp công trình và giải pháp phi công trình; bảo đảm an toàn trước cho các đô thị, khu dân cư, hoạt động sản xuất trong điều kiện biến đổi khí hậu; bảo đảm an toàn công trình, vùng hạ du đập, hồ chứa thủy lợi. Cùng cố, nâng cao khả năng chống lũ tại các lưu vực sông lớn ở Bắc bộ và Bắc Trung bộ; chủ động phòng, tránh và thích nghi với lũ để bảo vệ dân cư ở các lưu vực sông thuộc duyên hải Nam Trung bộ, Tây Nguyên, Đông Nam bộ; đảm bảo sản xuất vụ HèThu, Đông Xuân với tần suất lũ 5% đến 10%; chủ động sống chung với lũ tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long, kiểm soát lũ ở vùng ngập nông, bảo đảm các điều kiện thích nghi cho dân sinh ở vùng ngập sâu.

Song song với việc chú trọng đắp đê, tu bổ theo kiểu truyền thống, ngành thủy lợi đã gửi chuyên gia đi học tập, trao đổi kinh nghiệm với các nước về lĩnh vực này, áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào củng cố đê; tiếp nhận nhiều đoàn chuyên gia quốc tế từ các nước Australia, Hà Lan, Viện Kỹ thuật châu Á (AIT) đến Việt Nam để nghiên cứu, trao đổi học thuật; tiếp nhận viện trợ của Tổ chức Chương trình Lương thực thế giới (PAM) để đắp một số đê biển ở Nam Hà, Nghệ Tĩnh, Quảng Bình. Triển khai thực hiện *Chương trình nghị sự về phát triển bền vững đến năm 2030* của Liên hiệp quốc, Đảng đặc biệt nhấn mạnh: nhiệm vụ quan trọng hiện nay là đẩy mạnh hợp tác với các quốc gia thượng nguồn và các tổ chức quốc tế trong việc bảo vệ và sử dụng có hiệu quả tài nguyên nước ở lưu vực các dòng sông xuyên biên giới, nhất là sông Mê Công và sông Hồng, tăng cường chia sẻ thông tin minh bạch, xây dựng cơ chế lên kết vùng trong ứng phó với biến đổi khí hậu.

CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1: Thủy lợi là gì? Vai trò của công tác thủy lợi?

Câu 2: Thế nào là công trình thủy lợi đa mục tiêu?

Câu 3: Khái quát một số chiến lược, kế hoạch, điều luật về công tác thủy lợi được đề cập trong sách bài giảng.

KẾT LUẬN

I. NHỮNG THẮNG LỢI VĨ ĐẠI CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM

1. Thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945, thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

Mười lăm năm sau khi ra đời, Đảng với đường lối đúng đắn, phương thức đấu tranh cách mạng phù hợp, tập hợp đông đảo quần chúng nhân dân tiến hành tổng khởi nghĩa giành chính quyền vào Tháng Tám năm 1945 thành công, lập ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhà nước công nông đầu tiên ở khu vực Đông Nam châu Á. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám đã đập tan ách thống trị của thực dân Pháp và phát xít Nhật kéo dài gần 90 năm, lật đổ chế độ phong kiến tồn tại hàng nghìn năm và mở ra một kỷ nguyên mới cho dân tộc Việt Nam - kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

2. Thắng lợi của các cuộc kháng chiến oanh liệt để giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc

a. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp

Trong những năm 1945-1954, với đường lối kết hợp giữa kháng chiến với kiến quốc, kháng chiến với xây dựng chế độ mới, Đảng đã huy động được sức mạnh toàn dân tộc đánh bại các kế hoạch chiến tranh lớn của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ. Thắng lợi của cuộc kháng chiến đã góp phần cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới; mở rộng địa bàn, tăng thêm lực lượng cho chủ nghĩa xã hội và cách mạng thế giới.

b. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ

Sau tháng 7-1954, đất nước tạm thời bị chia cắt làm hai miền, với đường lối sáng tạo, tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng ở hai miền đất nước: cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, nhằm huy động sức mạnh

của cả nước vào thực hiện mục tiêu chung của dân tộc là độc lập và thống nhất Tổ quốc. Đảng đã lãnh đạo thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, quét sạch quân xâm lược ra khỏi bờ cõi, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Thắng lợi này đã làm suy yếu trận địa của chủ nghĩa đế quốc, phá vỡ một phòng tuyến quan trọng của chúng ở khu vực Đông Nam Á, đồng thời cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh vì mục tiêu hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

c. Thắng lợi trong công cuộc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của tổ quốc ở biên giới Tây Nam và biên giới Phía Bắc

Với quyết tâm bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, quân và dân ta tiếp tục chiến đấu làm thất bại hoàn toàn âm mưu của các thế lực thù địch ở biên giới phía Tây Nam và phía Bắc Tổ quốc. Kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ quốc tế, góp phần củng cố hòa bình, ổn định ở Đông Nam Á và trên thế giới trong những năm cuối thập kỷ 70 của thế kỷ XX.

3. Thắng lợi của sự nghiệp đổi mới và từng bước đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Hơn 30 năm đổi mới, Việt Nam đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử:

Về kinh tế: đã chuyển đổi thành công từ nền kinh tế kế hoạch hóa, quản lý hành chính, tập trung, bao cấp, nền kinh tế hiện vật sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước và theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, chuyển sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (1996); từng bước ra khỏi tình trạng của nước nghèo, kém phát triển, trở thành nước có mức thu nhập trung bình (2008), phấn đấu sớm trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện cả về vật chất và văn hóa tinh thần.

Về chính trị, xã hội: ổn định, hệ thống chính trị vững mạnh với vai trò của Đảng cầm quyền và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Quốc phòng, an ninh được củng cố vững chắc, giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Về đối ngoại: Quan hệ đối ngoại mở rộng, đa dạng hoá, đa phương hoá các quan hệ quốc tế, tạo môi trường hòa bình, hợp tác, phát triển, tích cực, chủ động hội nhập quốc tế.

Nhìn lại 30 năm đổi mới, Đại hội XII của Đảng đã nhấn mạnh một số bài học:

Thứ nhất, đổi mới phải luôn luôn quán triệt quan điểm “dân là gốc”, vì lợi ích nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò làm chủ, tinh thần trách nhiệm, sức sáng tạo và mọi nguồn lực của nhân dân, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

Thứ hai, đổi mới phải toàn diện, đồng bộ, có bước đi phù hợp, tôn trọng quy luật khách quan, xuất phát từ thực tiễn, bám sát thực tiễn, coi trọng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, tập trung giải quyết kịp thời, hiệu quả những vấn đề do thực tiễn đặt ra.

Thứ ba, phải đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên trên hết; kiên định độc lập, tự chủ, đồng thời chủ động và tích cực hội nhập quốc tế trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi; kết hợp phát huy sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Thứ tư, phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ năng lực và phẩm chất, ngang tầm nhiệm vụ; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và của cả hệ thống chính trị; tăng cường mối quan hệ mật thiết với nhân dân.

Thứ năm, không ngừng nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam ngày càng sáng tỏ hơn; về chế độ kinh tế, chính trị, xã

hội, văn hóa của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; về những nội dung bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là *bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa*; biết kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại, đặc biệt là cách mạng công nghiệp lần thứ 2, lần thứ 3 và nhất là cách mạng công nghiệp lần thứ tư - cách mạng 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ.

Thứ sáu, đẩy mạnh hơn nữa công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường; phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Thứ bảy, Đảng đã nhận thức và giải quyết tốt các mối quan hệ lớn phản ánh quy luật đổi mới và phát triển ở Việt Nam. “Đó là quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất; giữa nhà nước và thị trường; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”[5].

II. NHỮNG BÀI HỌC LỚN VỀ SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

1. Năm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội

Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ lịch sử cách mạng Việt Nam từ khi có Đảng, là sản phẩm của sự kết hợp sáng tạo giữa chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh với thực tế cách mạng Việt Nam. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam, cũng là quy luật dựng nước gắn liền với giữ nước, là lý tưởng cao cả và hiện thực trong thời đại Hồ Chí Minh. Nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam hiện nay là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, biển, đảo của Tổ quốc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

2. Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân

Thực tiễn cách mạng Việt Nam cho thấy, chính nhân dân là người làm nên những thắng lợi lịch sử, từ Cách mạng Tháng Tám 1945, hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, đến công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Do vậy, ngay từ khi thành lập, Đảng đã luôn luôn gắn bó với nhân dân, từng trải đấu tranh mà trưởng thành. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với nhân dân. Nhân dân là người bảo vệ Đảng, giúp đỡ Đảng về mọi mặt trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và chính phong trào cách mạng của nhân dân đã hiện thực hóa mục tiêu cách mạng do Đảng đề ra.

3. Không ngừng củng cố, tăng cường khối đoàn kết dân tộc

Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và dân tộc Việt Nam. Nhờ sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, tập hợp trong Mặt trận dân tộc thống nhất do Đảng lãnh đạo đã làm nên thành công của Cách mạng Tháng Tám và các cuộc kháng chiến cứu nước, thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới, xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Trong sự nghiệp đổi mới, một trong những bài học thành công của Đảng là mở

rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh của cả dân tộc, Đảng nhân mạnh chiến lược đại đoàn kết dân tộc, lấy mục tiêu chung của lợi ích quốc gia, dân tộc làm điểm tương đồng, tôn trọng lợi ích của các tầng lớp, giai cấp không trái với lợi ích chung, khép lại quá khứ, xóa bỏ định kiến, hận thù, mặc cảm, hướng tới tương lai.

4. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế

Quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng đã kết hợp đúng đắn sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế, tạo nên sức mạnh tổng hợp, đưa cách mạng đến thắng lợi quyết định.

5. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam

Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng trước hết là do Đảng nắm vững lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, vận dụng và phát triển sáng tạo vào hoàn cảnh Việt Nam để đề ra Cương lĩnh, đường lối thích hợp. Trong quá trình lãnh đạo, Đảng không ngừng bổ sung, phát triển, cụ thể hóa đường lối nhằm đáp ứng nhu cầu của thực tiễn. Từ trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng thường xuyên tự phê bình và phê bình, kịp thời sửa chữa những sai lầm, khuyết điểm, uốn nắn những nhận thức lệch lạc trong đội ngũ đảng viên, đảm bảo sự thống nhất về quan điểm, đường lối, về ý chí và hành động.

Thực tiễn lịch sử cách mạng Việt Nam 90 năm qua cho thấy: sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Để tiếp tục hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình, Đảng phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, đẩy lùi nguy cơ sai lầm về đường lối, quan liêu, xa dân và cả nguy cơ suy thoái, biến chất của một bộ phận cán bộ, đảng viên trong Đảng. Đảng phải thật sự trong sạch, vững mạnh, xứng đáng vừa là người lãnh đạo, vừa là đầy tớ trung thành của nhân dân.

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam trong 90 năm qua đã hun đúc nên những truyền thống vẻ vang của Đảng:

Đó là truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất vì lý tưởng cách mạng cao cả, vì nước, vì dân, với sự hy sinh anh dũng của nhiều thế hệ cán bộ lãnh đạo, đảng viên kiên trung của Đảng; truyền thống đoàn kết, thống nhất trong Đảng; tinh thần tự phê bình và phê bình, gắn bó mật thiết với giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân tộc; rèn luyện phẩm chất, đạo đức, nâng cao bản lĩnh tự vượt qua mọi khó khăn, thách thức; tinh thần chủ nghĩa quốc tế trong sáng.

Nghị quyết Hội nghị trung ương 4 khóa XII (30-10-2016) của Đảng khẳng định: “Đảng ta xứng đáng là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ và vị thế như ngày nay. Đó là kết quả sự nỗ lực phấn đấu không ngừng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, trong đó có sự hy sinh quên mình và đóng góp quan trọng của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Chúng ta có quyền tự hào về bản chất tốt đẹp, truyền thống anh hùng và lịch sử vẻ vang của Đảng ta - Đảng của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, đại biểu của dân tộc Việt Nam anh hùng”.

CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1: Khái quát những thắng lợi lớn mà nhân dân ta đạt được dưới sự lãnh đạo của Đảng trong hơn 90 năm qua.

Câu 2: Nêu và phân tích những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng.

